

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 590/2024/DS-PT
Ngày 26-11-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 399/2024/TLPT-DS ngày 08/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 423/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1967; CCCD: 074167007213; địa chỉ: buôn P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Bình Q, sinh năm 1962; CCCD: 074062004083 và bà Phạm Lê Q1, sinh năm 1987; CCCD: 074187007101; địa chỉ: khu phố E, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm 1960; CCCD: 074160006754; địa chỉ: khu phố E, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2024); có mặt.

- Người kháng cáo: bị đơn ông Phạm Bình Q, bà Phạm Lê Q1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 08/12/2022 bà Trần Thị Thanh T cho ông Phạm Bình Q và bà Phạm Lệ Q1 vay; theo đó: số tiền vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, thời hạn trả 08/01/2023 (do bà Q1 viết nhầm thành năm 2022), lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Việc vay được lập thành Giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết của ông Q và bà Q1.

Ngày 10/12/2022, bà T tiếp tục cho ông Q và bà Q1 vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, thời hạn trả ngày 10/01/2023 (do bà Q1 viết nhầm thành ngày 10/12/2022), lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Việc vay được lập thành Giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết của ông Q và bà Q1.

Tiếp đó, ngày 13/6/2023 bà T tiếp tục cho ông Q và bà Q1 vay số tiền 154.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, thời hạn trả 05 tháng kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Việc vay được lập thành Giấy vay tiền do ông Q viết, bà Q1 có mặt nhưng không ký tên, do tin tưởng nên bà T không có yêu cầu bà Q1 ký tên.

Đối với các khoản vay nêu trên, ông Q và bà Q1 đã đóng lãi cho bà T đến hết ngày 13/7/2023; bà T đến gặp ông Q và bà Q1 để yêu cầu trả số tiền vay trên, nhưng ông Q và bà Q1 vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, bà T khởi kiện ông Q và bà Q1 yêu cầu Tòa án buộc ông Q và bà Q1 trả số tiền 248.640.000 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc: 224.000.000 đồng; số tiền lãi tính từ ngày 13/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính 13/5/2024 là: 1%/tháng x 224.000.000 đồng x 11 tháng = 24.640.000 đồng).

Tại Đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện đề ngày 22/5/2024, bà T xác định lại yêu cầu khởi kiện của bà T theo Giấy vay ngày 08/12/2022; Giấy vay ngày 10/12/2022 và Giấy vay tiền ngày 13/6/2023, đề nghị Tòa án buộc ông Q và Q1 phải trả cho bà T số tiền 270.840.000 đồng (trong đó: số tiền nợ gốc: 244.000.000 đồng; số tiền lãi tính từ ngày 13/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính 13/5/2024 là: 1%/tháng x 224.000.000 đồng x 11 tháng = 26.840.000 đồng).

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Q, bà Q1 và người đại diện hợp pháp của ông Q, bà Q1 trình bày:

Thông nhất các giấy vay tiền là do ông Q và bà Q1 viết, ký tên vào phần bên vay. Không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý trả số tiền 70.000.000 đồng theo Giấy vay ngày 10/12/2022 do bà T cung cấp và số tiền 20.000.000 đồng theo Giấy vay ngày 08/12/2022 do bà T cung cấp. Đối với số tiền 154.000.000 đồng theo Giấy vay ngày 13/6/2023 thì ông Q, bà Q1 không đồng ý thanh toán. Không đồng ý thanh toán tiền lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà T trình bày: yêu cầu ông Q, bà Q1 cùng thanh toán số tiền 90.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/6/2024; yêu cầu ông Q thanh toán số tiền 154.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 13/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 20/6/2024.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà H trình bày:

Đối với số tiền 70.000.000 đồng theo Giấy vay ngày 10/12/2022 và số tiền 20.000.000 đồng theo Giấy vay ngày 08/12/2022 do bà T cung cấp thì bị đơn đồng ý trả tiền gốc và thanh toán tiền lãi từ ngày 10/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/6/2024.

Đối với số tiền 154.000.000 đồng theo Giấy vay ngày 13/6/2023 thì ông Q ký nên đây là khoản nợ riêng của ông Q không liên quan đến bà Q1 nên ông Quốc T1 chịu trách nhiệm nhưng không đồng ý thanh toán tiền gốc và tiền lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T đối với bị đơn ông Phạm Bình Q, bà Phạm Lệ Q1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Ông Phạm Bình Q, bà Phạm Lệ Q1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng).

Ông Phạm Bình Q có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 172.839.333 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu tám trăm ba mươi chín ngàn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó:

- Tiền gốc: 154.000.000 đồng (một trăm năm mươi bốn triệu đồng).
- Tiền lãi: 18.839.333 đồng (mười tám triệu tám trăm ba mươi chín ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2024, bị đơn ông Phạm Bình Q, bà Phạm Lệ Q1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; bản án sơ thẩm xét

xử là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị đơn ông Q, bà Q1 nộp trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ là Giấy vay tiền các ngày 08/12/2022, ngày 10/12/2022 và ngày 13/6/2023; người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà H thừa nhận chữ ký, chữ viết trên của bị đơn ông Q và bà Q1 nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với Giấy vay ngày 10/12/2022 và Giấy vay ngày 08/12/2022:

Về tiền gốc: tại cấp sơ thẩm, các đương sự thống nhất có vay số tiền 90.000.000 đồng; bị đơn đồng ý thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc ông Q và bà Q1 có trách nhiệm thanh toán số tiền 90.000.000 đồng cho bà T là phù hợp. Đương sự đều thừa nhận tổng số tiền mà bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn 14.000.000 đồng (trong đó: ngày 09/12/2022 chuyển số tiền 7.000.000 đồng; ngày 27/01/2023 chuyển số tiền 4.000.000 đồng và ngày 31/01/2023 chuyển số tiền 3.000.000 đồng) là tiền lãi của tổng số tiền vay 90.000.000 đồng trong 02 tháng là tháng 01/2023 và tháng 02/2023. Như vậy, lời trình bày của nguyên đơn về lãi suất 3% và người đại diện hợp pháp của bị đơn về lãi suất 10% là không phù hợp với số tiền đã chuyển khoản. Do các đương sự có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự xác định mức lãi suất 10%/năm, xác định tiền lãi đối với hai khoản vay đến ngày 31/01/2023 (ngày chuyển tiền lãi cuối cùng) là phù hợp.

Tổng tiền lãi của hai khoản vay tính đến ngày 31/01/2023 (ngày chuyển tiền lãi cuối cùng) là 1.286.000 đồng; các đương sự thống nhất xác định khoản tiền 14.000.000 đồng mà ông Q, bà Q1 chuyển cho bà T là tiền lãi. Do đó, cấp sơ thẩm trừ số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất vào số tiền nợ gốc và xác định ông Q1, bà Q có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 77.286.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về tiền lãi: theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T khẳng định chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 13/7/2023; xét, đây là yêu cầu có lợi cho ông Q và bà Q1 nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp và xác định buộc bà Q1

và ông Q có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền 84.520.828 đồng (trong đó: tiền nợ gốc: 77.286.000 đồng; tiền lãi: từ ngày 13/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng 07 ngày x 10%/năm x 77.286.000 đồng = 7.234.828 đồng) là có cơ sở.

[2.3] Đối với Giấy vay ngày 13/6/2023:

Về tiền gốc: tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà H thừa nhận chữ ký, chữ viết và nội dung giấy vay là do ông Q viết. Bà H yêu cầu triệu tập bà L là người làm chứng, tại phiên tòa sơ thẩm bà L cho rằng ông Q có ký giấy vay nhưng không thấy bà T đưa tiền cho ông Q. Lời trình bày của bà L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh; trong giấy vay tiền cũng không có xác nhận của bà L với tư cách là người làm chứng; bà T cũng không thừa nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét lời trình bày của bà L là có căn cứ. Nguyên đơn yêu cầu ông Q thanh toán số tiền 154.000.000 đồng theo Giấy vay ngày 13/6/2023; cấp sơ thẩm xác định ông Q có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền 154.000.000 đồng là có cơ sở.

Về lãi suất: do các đương sự có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự xác định mức lãi suất 10%/năm, xác định tiền lãi đối với khoản vay từ ngày 13/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 154.000.000 đồng x 11 tháng 07 ngày x 10%/năm = 14.348.446 đồng là phù hợp.

[2.4] Bị đơn kháng cáo cho rằng thực chất chỉ vay số tiền 70.000.000 đồng và đồng ý trả lãi 10%/năm nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ. Bị đơn cung cấp Giấy vay tiền các ngày 08/8/2021, 10/4/2022 và 10/7/2023 nhưng không có chữ ký của người cho vay mà chỉ có chữ ký của người vay; đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm nguyên đơn khẳng định không xác lập việc vay tiền vào các ngày trên nên cấp sơ thẩm không xem xét là có cơ sở. Do đó, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[2.6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Lệ Q1 phải chịu theo luật định. Ông Phạm Bình Q là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Bình Q, bà Phạm Lệ Q1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2024/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Lệ Q1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000545 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- TAND thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Vương